UỶ BAN NHÂN DÂN **XÃ TÂN LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 140/QĐ-UBND	Tân Long, ngày 01 tháng 8 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai quyết toán ngân sách năm 2022 của xã Tân Long

UỶ BAN NHÂN DÂN XÃ TÂN LONG

Căn cứ Luật tổ chức Chính quyền địa phương năm 2015; Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật tổ chức Chính phủ và Luật Chính quyền địa phương năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài Chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với các cấp ngân sách;

Căn cứ vào Nghị quyết số 28/NQ-HĐND ngày 31/12/2022 của Hội đồng nhân dân xã Tân Long Về việc phê chuẩn quyết toán Thu-Chi ngân sách xã năm 2022.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Công bố công khai số liệu quyết toán ngân sách năm 2022 của xã Tân Long.

(Có biểu chi tiết kèm theo)

Điều 2: Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3: Văn phòng UBND xã, Ban tài chính xã tổ chức thực hiện quyết định này./.

Nơi nhận:
- UBND huyện
- Phòng tài chính (Báo cáo);
- Đảng uỷ - HĐND(Báo cáo);
- Các đoàn thể ở xã;
- 9 xóm;
- Như điều 3 thực hiện;

TM. UỶ BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Lý Văn Mão

Scanned with CamScanner

UBND XÃ TÂN LONG

Biểu số 116/CK TC-NSNN

CÂN ĐỐI QUYẾT TOÁN NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2022

(Kèm theo Quyết định số 140/QĐ-UBND ngày 01/8/2023 của UBND xã Tân Long)

Đơn vị: 1000đ

NỘI DUNG THU NGÂN SÁCH	QUYẾT TOÁN	NỘI DUNG CHI NS	QUYẾT TOÁN
TỔNG SỐ THU	**19.030.478.455**	**TỔNG SỐ CHI**	**18.956.290.894**
I. Các khoản thu hưởng 100%	**27.347.000**	**I. Chi đầu tư phát triển**	**10.596.439.156**
II. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ %	**43.163.071**	**II. Chi thường xuyên**	**6.270.845.552**
III Thu bổ sung	**18.827.213.584**	**III. Chi chuyển nguồn của NS xã sang năm sau**	**2.089.006.186**
- Bổ sung cân đối ngân sách	4.822.000.000		
- Bổ sung có mục tiêu	14.005.213.584		
IV. Thu kết dư ngân sách năm trước	**44.352.213**	**IV. Chi nộp trả NS cấp trên**	
V. Thu viện trợ			
VI. Thu chuyển nguồn từ năm trước sang của NS xã (nếu có)	**88.402.587**		
Kết dư ngân sách	**74.187.561**		

Scanned with CamScanner

UBND XÃ TÂN LONG

Biểu số 117/CK TC-NSNN

QUYẾT TOÁN THU NGÂN SÁCH NĂM 2022

(Kèm theo Quyết định số 80 /QĐ-UBND ngày 01/8/2023 của UBND xã Tân Long)

ĐVT: đồng

TT	Nội dung thu	Dự toán		Quyết toán		So sánh	
		THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX
A	B	1	2	3	4	5=3/1	6=4/2
	Tổng Thu	**120.000.000**	**4.890.000.000**	**19.102.255.365**	**19.030.478.455**	**15 919**	**389**
I	**Các khoản thu 100%**	**30.000.000**	**30.000.000**	**27.417.730**	**27.347.000**	**91**	**91**
	Phí, lệ phí	23.000.000	23.000.000	25 664 000	25 664 000	**112**	112
	Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác		-				
	Thu từ hđ kinh tế và sự nghiệp		-				
	Thu phạt, tịch thu khác theo qđ		-				
	Thu từ TS được xác lập quyền sở hữu của NN theo qđ		-				
	Đóng góp của nhân dân theo qđ		-				
	Đóng góp tự nguyện của tổ chức, cá nhân		-				
	Thu khác	7.000.000	7.000.000	1 753 730	1 683 000	**25**	24
II	**Các khoản phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)**	**90.000.000**	**38.000.000**	**114.869.251**	**43.163.071**	**128**	114
1	Các khoản thu phân chia	90.000.000	38.000.000	114.869.251	43.163.071	**128**	114
	Thuế sd đất phi nông nghiệp		-	10 810 509	10 810 509		
	Thuế sd đất nông nghiệp thu từ hộ gia đình		-				
	Lệ phí môn bài thu từ cá nhân, hộ KD		-				
	Lệ phí trước bạ nhà, đất	11.000.000	6.000.000	13 187 718	6 593 860	**120**	110
	Thuế thu nhập cá nhân	47.000.000		65 112 322		**139**	
	Thuế giá trị gia tăng	32.000.000	32.000.000	25 758 702	25 758 702	**80**	80
	Thu khác		-				
2	Các khoản phân chia khác do cấp tỉnh qđ						
III	**Thu viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã (nếu có)**						
IV	**Thu chuyển nguồn**			**88 402 587**	**88 402 587**		
V	**Thu kết dư NS năm trước**			**44 352 213**	**44 352 213**		
VI	**Thu bổ sung NS cấp trên**	-	**4.822.000.000**	**18.827.213.584**	**18827 213 584**		390
1	Thu bổ sung cân đối		4.822.000.000	4 822 000 000	4822 000 000		100
2	Thu bổ sung có MT			14 005 213 584	14005 213 584		
	Thu hồi các khoản chi năm trước						

Scanned with CamScanner

UBND XÃ TÂN LONG

Biểu số 118/CK-NSNN

QUYẾT TOÁN CHI NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2022

(Kèm theo Quyết định số 140/QĐ-UBND ngày 01 /8/2023 của UBND xã Tân Long)

ĐVT: đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN			QUYẾT TOÁN			SO SÁNH QT/DT (%)		
		TỔNG SỐ	ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	THƯỜNG XUYÊN	TỔNG SỐ	ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	THƯỜNG XUYÊN	TỔNG SỐ	ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	THƯỜNG XUYÊN
A	B	1	2	3	4	5	6	7=4/1	8=5/2	9=6/3
	TỔNG CHI	**17.911.913.584**	**10.597.382.960**	**7.215.530.624**	**18.956.290.894**	**10.596.439.156**	**8.359.851.738**	**106**	**100**	**116**
	Trong đó	17.911.913.584	10.597.382.960	7.215.530.624	18.956.290.894	10.596.439.156	8.359.851.738	106	100	116
1	Chi cho công tác dân quân tự vệ, trật tư an toàn xã hội	569.833.375	-	569.833.375	569.833.375	-	569.833.375	100		100
2	Chi giáo dục	-	-	-	-	-	-			
3	Chi ứng dụng, chuyển giao công nghệ	-	-	-	-	-	-			
4	Chi y tế	75.245.000	-	75.245.000	75.245.000	-	75.245.000	100		100
5	Chi văn hóa, thông tin	3.744.564.400	3.709.564.400	35.000.000	3.744.564.400	3.709.564.400	35.000.000	100		100
6	Chi phát thanh, truyền hình	-	-	-	-	-	-			
7	Chi thể dục thể thao	125.000.000	-	125.000.000	124.792.000	-	124.792.000	100		100
8	Chi bảo vệ môi trường	-	-	-	-	-	-			
9	Chi các hoạt động kinh tế	7.647.176.560	6.213.818.560	1.433.358.000	6.727.435.779	6.213.631.756	513.804.023	88	100	36
10	Chi hoạt động của cơ quan quản lý NN, Đảng, đoàn thể	5.608.070.249	674.000.000	4.934.070.249	5.595.614.154	673.243.000	4.922.371.154	100		100
11	Chi cho công tác xã hội	43.024.000	-	43.024.000	29.800.000	-	29.800.000	69		69
12	Chi khác		-	-		-	-			
13	Dự phòng	34.000.000	-	-	-	-	-	-		
14	Tiết kiệm chi	65.000.000	-	-		-	-			
15	Chi chuyển nguồn sang ngân sách năm sau	-	-	-	2.089.006.186	-	2.089.006.186			

Scanned with CamScanner

UBND XÃ TÂN LONG

Biểu số 119/CK TC-NSNN

QUYẾT TOÁN CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NĂM 2022

(Kèm theo Quyết định số 140/QĐ-UBND ngày 01/8/2023 của UBND xã Tân Long)

ĐVT: đồng

TÊN CÔNG TRÌNH	Thời gian KC-HT	Tổng dự toán được duyệt		Giá trị thực hiện từ 01/01 đến 31/12/2022	Giá trị đã thanh toán năm 2022			
		Tổng số	trong đó: Nguồn		Tổng số	Trong đó thanh toán khối lượng năm trước	Chia theo nguồn vốn	
							Nguồn cân đối NS	Nguồn đóng góp
Tổng số		**21 476 688 342**		**9 779 382 960**	**4 847 595 396**	**4 847 595 396**	**10 596 439 156**	
1.Công trình chuyển tiếp		**11 160 762 329**		**4 030 539 200**	**4 847 595 396**	**4 847 595 396**	**4 847 595 396**	
Đường bê tông xóm Ba Đình (giai đoạn 1), xã Tân Long	2021-2022	810.487.377		407.710.400	407 710 400	407 710 400	407.710.400	
Đường bê tông xóm Ba Đình (giai đoạn 2), xã Tân Long	2021-2022	810.487.377		407.710.400	407 710 400	407 710 400	407.710.400	
Đường bê tông xóm Làng Mới, xã Tân Long	2021-2022	1.053.527.168		540.102.000	540 102 000	540 102 000	540.102.000	
Đường bê tông xóm Mỏ Ba (giai đoạn 1), xã Tân Long	2021-2022	810.487.377		407.710.400	407 710 400	407 710 400	407.710.400	
Đường bê tông xóm Đồng Mẫu (giai đoạn 1), xã Tân Long	2021-2022	567.341.164		285.449.600	285 449 600	285 449 600	285.449.600	
Đường bê tông xóm Làng Giếng, xã Tân Long	2021-2022	810.487.377		407.710.400	407 710 400	407 710 400	407.710.400	
Đường bê tông xóm Đồng Mây, xã Tân Long	2021-2022	405.243.688		208.855.200	208 855 200	208 855 200	208.855.200	
Đường bê tông xóm Lân Quan, xã Tân Long	2021-2022	405.243.688		208.855.200	208 855 200	208 855 200	208.855.200	
Đường bê tông xóm Mỏ Ba (giai đoạn 2), xã Tân Long	2021-2022	810.487.377		407.710.400	407 710 400	407 710 400	407.710.400	
Đường bê tông xóm Ba Đình (giai đoạn 3), xã Tân Long	2021-2022	810.487.377		407.710.400	407 710 400	407 710 400	407.710.400	
Đường bê tông xóm Đồng Mẫu (giai đoạn 2), xã Tân Long	2021-2022	628.101.112		341.014.800	341 014 800	341 014 800	341.014.800	
Xây dựng cầu tránh lũ suối Đồng Mây đi xóm Lân Quan	2018	1.310.163.137			143 813 196	143 813 196	143.813.196	
Cải tạo sửa chữa trụ sở UBND xã Tân Long	2021	1.928.218.110			673 243 000	673 243 000	673.243.000	
2.Công trình khởi công mới		**10 315 926 013**		**5 748 843 760**			**5 748 843 760**	
Đường bê tông xóm Ba Đình, xã Tân Long	2022	689.441.662		315.018.560			315 018 560	
Đường bê tông xóm Đồng Mẫu, xã Tân Long	2022	861.802.077		393.773.200			393 773 200	

Scanned with CamScanner

TÊN CÔNG TRÌNH	Thời gian KC-HT	Tổng dự toán được duyệt		Giá trị thực hiện từ 01/01 đến 31/12/2022	Giá trị đã thanh toán năm 2022			
		Tổng số	trong đó: Nguồn		Tổng số	Trong đó thanh toán khối lượng năm trước	Chia theo nguồn vốn	
							Nguồn cân đối NS	Nguồn đóng góp
Đường bê tông xóm Hồng Phong, xã Tân	2022	861.802.077		393.773.200			393 773 200	
Đường bê tông xóm Làng Mới xã Tân Long	2022	576.765.872		227.786.180			227 786 180	
Đường bê tông xóm Đồng Mây xã Tân Long	2022	430.901.039		196.886.600			196 886 600	
Đường bê tông xóm Lân Quan xã Tân Long	2022	1.040.156.534		512.041.620			512 041 620	
Xây dựng nhà văn hóa Ba Đình xã Tân Long	2022	858.354.664		560.703.500			560 703 500	
Xây dựng nhà văn hóa Đồng Mây xã Tân	2022	738.455.109		546.609.700			546 609 700	
Xây dựng nhà văn hóa xóm Hồng Phong xã Tân Long	2022	755.860.080		320.609.700			320 609 700	
Sửa chữa nhà văn hóa Đồng Mẫu xã Tân	2022	389.273.574		267.057.500			267 057 500	
Sửa chữa nhà văn hóa Đồng Luông xã Tân Long	2022	566.050.518		159.338.900			159 338 900	
Sửa chữa nhà văn hóa xóm Mỏ Ba xã Tân	2022	358.183.941		155.245.100			155 245 100	
Xây dựng 4 phòng chức năng và nâng cấp sân trung tâm văn hóa thể thao xã Tân Long	2022	1.200.000.000		1.000.000.000			1 000 000 000	
Sửa chữa nhà văn hóa trung tâm và sân, cổng hàng rào UBND xã Tân Long	2022	988.878.866		700.000.000			700 000 000	

Scanned with CamScanner

UBND XÃ TÂN LONG **Biểu số 120/CK TC-NSNN**

THỰC HIỆN THU, CHI CÁC HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH KHÁC NĂM 2022

(Kèm theo Quyết định số 140/QĐ-UBND ngày 01/8/2023 của UBND xã Tân Long)

Đơn vị: đồng

NỘI DUNG	KẾ HOẠCH			THỰC HIỆN		
	THU	CHI	CHÊNH LỆCH (+) (-)	THU	CHI	CHÊNH LỆCH (+) (-)
TỔNG SỐ	**95.760.000**	**72.000.000**	**23.760.000**	**189.953.502**	**99.055.000**	**90.898.502**
1 Các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách	95.760.000	72.000.000	23.760.000	189.953.502	99.055.000	90.898.502
Quỹ Đền ơn đáp nghĩa	15.960.000	12.000.000	3.960.000	38.456.334	22.800.000	15.656.334
Quỹ vì người nghèo	15.960.000	12.000.000	3.960.000	29.254.334	18.000.000	11.254.334
Quỹ trẻ thơ	15.960.000	12.000.000	3.960.000	33.923.334	19.955.000	13.968.334
Quỹ chữ thập đỏ	15.960.000	12.000.000	3.960.000	27.744.833	13.000.000	14.744.833
Quỹ khuyến học	15.960.000	12.000.000	3.960.000	27.878.333	16.900.000	10.978.333
Quỹ người cao tuổi	15.960.000	12.000.000	3.960.000	32.696.334	8.400.000	24.296.334
Quỹ người mù						
Các khoản chi hộ						
Các khoản thu hộ						
2 Các hoạt động sự nghiệp						
Chợ						
Bến bãi						

Scanned with CamScanner

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ TÂN LONG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Tân Long, ngày 01 tháng 8 năm 2023

THUYẾT MINH BÁO CÁO QUYẾT TOÁN NGÂN SÁCH
Năm 2022

I. Đặc điểm, tình hình.

Tân Long là một xã miền núi vùng cao. Tổng diện tích tự nhiên là 4.114,7 ha. Xã có 09 xóm gồm Làng Mới, Ba Đình, Đồng Mẫu, Mỏ Ba, Đồng Luông, Đồng Mây, Làng Giếng, Hồng Phong, Lân Quan. Xã có 8 dân tộc cùng chung sống là : Nùng, Kinh, Mông, Dao, Cao Lan, Sán chí, Sán dìu, Tày. Đời sống kinh tế của đại bộ phận người dân 90% sống chủ yếu dựa vào sản xuất nông, lâm nghiệp. Tỷ lệ hộ nghèo, hộ cận nghèo của xã còn cao.

Thực hiện Quyết định số 5388/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 của UBND huyện Đồng Hỷ về việc giao dự toán ngân sách nhà nước huyện Đồng Hỷ năm 2022; Nghị quyết HĐND xã về dự toán ngân sách năm 2022, trong năm 2022 xã Tân Long đã thực hiện được những kết quả đạt chỉ tiêu về tình hình thu - chi ngân sách.

II. Tình hình ngân sách và tài chính của xã.

1. Ngân sách xã.

1.1.Thu ngân sách xã.

Được sự quan tâm chỉ đạo sát xao của các cấp, các ngành cũng như của Đảng uỷ, HĐND và UBND xã Tân Long, cùng với sự cố gắng nỗ lực trong công tác thu thuế của cán bộ Uỷ nhiệm thu, cán bộ thuế ở Chi Cục thuế huyện phụ trách địa bàn trong năm 2022 xã đã thu được những khoản thu như sau:

Tổng thu ngân sách xã năm 2022 là 19.030.478.455đ/KH 4.890.000.000đ đạt 389,17% so với dự toán xã giao.

1.1.1. Thu các khoản xã hưởng 100%: 27.347.000đ/KH 30.000.000đ đạt 91,16%

- Thu phí, lệ phí: 25.664.000đ/KH 23.000.000đ đạt 111,58%

Trong đó: Phí chứng thực 18.761.000đ/KH 15.000.000đ đạt 125,07%, phí môn bài 5.100.000đ/KH 6.000.000đ đạt 85%, lệ phí hộ tịch 1.803.000đ/KH 2.000.000đ đạt 90,15%,

- Thu kết dư ngân sách năm trước: 44.352.213đ

- Thu khác: 1.683.000đ/KH 7.000.000đ đạt 24,04%

1.1.2. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm: 43.163.071đ/KH 38.000.000đ đạt 113,59%.

- Lệ phí trước bạ nhà đất: 6.574.060đ/KH 6.000.000đ đạt 109,57%

Scanned with CamScanner

- Thuế giá trị gia tăng: 25.758.702đ/KH 32.000.000đ đạt 80,5%

Một số khoản thu đạt và vượt dự toán giao như phí chứng thực 125,07%, lệ phí trước bạ nhà đất 109,57% do thu từ số lượng người dân tham gia chứng thực nhiều, phát sinh việc mua bán, chuyển nhượng đất đai.

Một số các khoản thu còn thấp như phí môn bài 85%, thuế giá trị gia tăng 80,5%, lệ phí hộ tịch 90,15%, thu khác 24,04%, do việc miễn thuế quý III và quý IV năm 2021 đối với hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh theo Nghị quyết số 406/NQ-UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Nghị định số 92/2021/NĐ-CP Ngày 27 tháng 10 năm 2021 của Chính phủ, các trường hợp đã nộp số thuế phát sinh phải nộp từ hoạt động sản xuất kinh doanh của các tháng trong quý III và quý IV năm 2021 thì sẽ được cơ quan thuế xử lý bù trừ số tiền thuế nộp thừa vào khoản phát sinh của các kỳ tiếp theo, có ít vụ vi phạm hành chính.

1.1.3.Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên: 18.827.213.584đ/KH 4.822.000.000đ đạt 390,44%.

- Thu bổ sung cân đối ngân sách: 4.822.000.000đ /KH 4.822.000.000đ đạt 100%.

- Thu bổ sung có mục tiêu 14.005.213.584đ

Trong đó:

+ Thu bổ sung có mục tiêu: 14.291.468.584đ

Bao gồm các khoản sau:

Kinh phí chi chúc thọ, mừng thọ người cao tuổi 70, 75, 80, 85: 29.450.000đ.

Bổ sung kinh phí chi trả trợ cấp lần đầu khi nhận công tác ở vùng có điều kiện kinh tế-XH đặc biệt khó khăn đối với bà Đoàn Thị Hồng Biên, công chức Địa chính-Nông nghiệp-Xây dựng và Môi trường xã Tân Long: 14.900.000đ

Bổ sung kinh phí chi hỗ trợ đối với người đã hoàn thành cách ly y tế để phòng, chống dịch covid-19: 15.320.000đ

Kinh phí chi tổ chức Đại hội Đoàn cấp cơ sở nhiệm kỳ 2022-2027: 5.000.000đ

Kinh phí chi hỗ trợ mua bể bê tông đựng bao bì thuốc bảo vệ thực vật cho các xã về đích nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu trên địa bàn huyện Đồng Hỷ năm 2022: 260.000.000đ

Kinh phí công trình Cải tạo sửa chữa trụ sở UBND xã Tân Long: 601.000.000đ

Kinh phí trả trợ cấp lần đầu khi nhận công tác ở vùng có điều kiện kinh tế-XH đặc biệt khó khăn đối với ông Lý Văn Mão, Chủ tịch UBND xã Tân Long; Trả trợ cấp một lần chuyển công tác ra khỏi vùng có điều kiện kinh tế-XH đặc

Scanned with CamScanner

biệt khó khăn đối với ông Hoàng Hồng Nhật, nguyên Chủ tịch UBND xã Tân Long: 93.870.000đ

Kinh phí chi công tác quản lý thủy lợi trên địa bàn: 70.000.000đ

Kinh phí chi các công trình xây dựng xã Tân Long: 4.300.000.000đ

Kinh phí chi tổ chức Đại hội Hội cựu chiến binh cấp cơ sở nhiệm kỳ 2022-2027: 5.000.000đ

Kinh phí chi hỗ trợ mua xi măng xây dựng kết cấu hạ tầng nông thôn mới năm 2021: 2.030.539.200đ.

Kinh phí chi hỗ trợ kinh phí cho chủ vật nuôi có gia súc buộc tiêu hủy do bệnh viêm da nổi cục và bệnh dịch tả lợn Châu Phi trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên năm 2021: 82.870.000đ.

Kinh phí chi hỗ trợ thiệt hại nông nghiệp, nhà ở ngày 30/5-31/5 năm 2022 trên địa bàn các xã, thị trấn: 9.538.000đ.

Kinh phí chi hỗ trợ lực lượng nhân viên, cộng tác viên thú y cơ sở theo Nghị quyết số 20/2021/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh: 26.820.000đ.

Kinh phí vốn sự nghiệp chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2022, huyện Đồng Hỷ: 1.141.500.000đ

Kinh phí hỗ trợ các xã về đích nông thôn mới: 300.000.000đ

Kinh phí vốn đầu tư thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2022 huyện Đồng Hỷ: 2.254.000.000đ

Kinh phí trả trợ cấp lần đầu khi nhận công tác ở vùng có điều kiện kinh tế-XH đặc biệt khó khăn đối với ông Hoàng Văn Tấn, công chức Chỉ huy trưởng Ban Chỉ huy Quân sự xã Tân Long: 14.900.000đ

Kinh phí tăng thêm cho các địa phương thực hiện chế độ, chính sách do tỉnh ban hành: 45.179.000đ

Kinh phí bổ sung lương, phụ cấp lương, các khoản đóng góp do tăng biên chế, tăng lương: 311.000.000đ

Kinh phí phục vụ phòng, chống dịch theo Nghị quyết 16/NQ-CP ngày 08/02/2021 của Chính phủ: 13.200.000đ

Kinh phí chi hoạt động giám sát đầu tư cộng đồng theo Nghị quyết số 17/2022/NQ-HĐND tỉnh Thái Nguyên: 5.000.000đ

Kinh phí chi cho các công trình xây dựng cơ bản của các xã: 144.000.000đ

Kinh phí các công trình xây dựng cơ bản của các xã: 73.000.000đ

Kinh phí vốn đối ứng ngân sách tỉnh vốn đầu tư chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2022 huyện Đồng Hỷ: 96.000.000đ

Scanned with CamScanner

Kinh phí hỗ trợ công tiêm phòng chống dịch Covid-19 năm 2022: 23.400.000đ

Kinh phí hỗ trợ kinh phí đăng ký, cấp GCNQSD đất lần đầu đối với hộ gia đình, cá nhân quý III, IV năm 2020 và quý I, II, III, IV năm 2021: 34.757.744đ

Kinh phí hỗ trợ kinh phí đăng ký, cấp GCNQSD đất lần đầu đối với hộ gia đình, cá nhân I, II, III năm 2022: 74.480.880đ

Kinh phí hỗ trợ làm nhà ở, chuyển đổi nghề, nước sinh hoạt: 48.800.000đ

Kinh phí hỗ trợ kinh phí mua xi măng xây dựng kết cấu hạ tầng nông thôn mới (đợt 2): 1.194.843.760đ

Kinh phí hỗ trợ cho các thành viên tổ nhập dữ liệu hộ tịch trên nền tảng cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư: 15.600.000đ

Hỗ trợ làm nhà ở, chuyển đổi nghề, nước sinh hoạt: 957.500.000đ

+ Nộp trả ngân sách huyện kinh phí: 286.255.000đ

Trong đó:

Nộp trả ngân sách huyện kinh phí chi hỗ trợ mua bể bê tông đựng bao bì thuốc bảo vệ thực vật cho các xã về đích nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu trên địa bàn huyện Đồng Hỷ năm 2022: 160.550.000đ.

Nộp trả ngân sách huyện kinh phí chi hỗ trợ lực lượng nhân viên, cộng tác viên thú y cơ sở theo Nghị quyết số 20/2021/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh: 6.705.000đ.

Nộp trả ngân sách huyện kinh phí hỗ trợ làm nhà ở, chuyển đổi nghề, nước sinh hoạt (Vốn sự nghiệp chương trình MTQG phát triển kinh tế-xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi: Nguồn vốn ngân sách tỉnh: 56.500.000đ, ngân sách huyện: 28.500.000đ): 85.000.000đ

Nộp trả ngân sách huyện kinh phí hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị (Vốn sự nghiệp chương trình MTQG phát triển kinh tế-xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi: Nguồn vốn ngân sách tỉnh: 23.000.000đ, ngân sách huyện: 11.000.000đ): 34.000.000đ

Tổng chi ngân sách xã năm 2022 là: 18.956.290.894đ/KH 17.911.913.584đ đạt 105,83% Trong đó:

1.2 Chi ngân sách xã

1.2.1 Chi đầu tư XDCB: 10.596.439.156đ/KH 10.597.382.960đ đạt 99,99%

1.2.2 Chi thường xuyên: 6.270.845.552đ/KH 7.215.530.624đ đạt 86,9%

- Chi dân quân tự vệ, ANTT: 569.833.375đ/KH 569.833.375đ đạt 100%

Scanned with CamScanner

+ Chi dân quân tự vệ: 340.024.375đ/KH 340.024.375đ đạt 100%

+ Chi ANTT: 229.809.000đ/KH 229.809.000đ đạt 100%

- Chi sự nghiệp y tế: 75.245.000đ/KH 75.245.000đ đạt 100%
- Chi sự nghiệp văn hoá thông tin: 35.000.000đ/KH 35.000.000đ đạt 100%
- Chi sự nghiệp thể dục thể thao: 124.792.000đ/KH 125.000.000đ đạt 99,83%
- Chi các hoạt động kinh tế: 513.804.023đ/KH 1.433.358.000đ đạt 35,85%
- Chi cho công tác xã hội: 29.800.000đ/KH 43.024.000đ đạt 69,26%
- Chi quản lý nhà nước, Đảng, đoàn thể: 4.922.371.154đ/KH 4.934.070.249đ đạt 99,76%

1.2.3 Chi chuyển nguồn ngân sách sang năm sau: 2.089.006.186đ gồm các khoản sau:

- Nguồn thực hiện chính sách tiền lương, phụ cấp, trợ cấp và các khoản tính theo lương cơ sở, bảo trợ xã hội: 186.206.186 đồng

+ 10% tiết kiệm chi thường xuyên 2022 chuyển sang năm 2023 để thực hiện cải cách tiền lương: 65.000.000 đồng.

+ 70% nguồn tăng thu ngân sách năm 2022 chuyển nguồn sang năm 2023 để thực hiện cải cách tiền lương: 1.757.050 đồng

+ Kết dư ngân sách năm 2021 tạo nguồn cải cách tiền lương theo quy định: 31.046.549 đồng.

+ Nguồn cải cách tiền lương từ các năm trước: 88.402.587đ.

- Các khoản dự toán được cấp có thẩm quyền bổ sung sau ngày 30 tháng 9 năm 2022: 1.102.300.000đ

+ Chi hỗ trợ chuyển đổi chuyển đổi nghề, nước sinh hoạt ngân sách trung ương (Mã CTMT 00514): 957.500.000đ

+ Chi hỗ trợ làm nhà ở, chuyển đổi nghề, nước sinh hoạt ngân sách tỉnh, huyện (Ngân sách tỉnh: 96.000.000đ, ngân sách huyện: 48.800.000đ): 144.800.000đ

- Kinh phí khác theo quy định của pháp luật: Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế-xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi 800.500.000 đồng

+ Hỗ trợ làm nhà ở, chuyển đổi nghề, nước sinh hoạt (Mã CTMT 00511 Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt): 567.500.000đ

+ Hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị (Mã CTMT 00513 Phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp bền vững, phát huy tiềm năng, thế mạnh của các vùng miền để sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị): 233.000.000đ

1.3 Kết dư ngân sách năm 2022: 74.187.561 đồng.

- 30% kết dư ngân sách năm 2021: 13.305.664đ
- Dự phòng ngân sách năm 2022: 34.000.000đ

Scanned with CamScanner

- 30% tăng thu ngân sách năm 2022: 753.021đ

- Thiết bị vui chơi cho người già, trẻ em: 208.000đ

- Hoạt động sự nghiệp kinh tế: 53.977đ

- Tiền báo HĐND: 13.222.800đ

- Bảo đảm xã hội: 9.000.000đ

- Hoạt động UBND: 2.700.295đ

- Công trình: Xây dựng cầu tránh lũ suối Đồng Mây đi xóm Lân Quan: 186.804đ

- Công trình: Cải tạo sửa chữa trụ sở UBND xã Tân Long: 757.000đ

. Đánh giá chung kết quả thực hiện thu – chi ngân sách:

-Thu ngân sách:

Thu ngân sách xã năm 2022 vẫn còn có nhiều khó khăn bởi ngành nghề chủ yếu của nhân dân nông lâm nghiệp. Các doanh nghiệp kinh doanh trên địa bàn còn ít, hoạt động còn chưa được mạnh mẽ, số hộ kinh doanh buôn bán nhỏ lẻ cũng rất ít, điều đó ảnh hưởng rất nhiều đến việc thực hiện đảm bảo các nguồn thu cân đối của xã trong năm. Tuy nhiên thu ngân sách xã năm 2022 đảm bảo đúng, hoàn thành kế hoạch huyện giao cũng như HĐND xã giao.

- Chi ngân sách:

Bên cạnh thu ngân sách hoàn thành kế hoạch giao thì chi ngân sách cũng đảm bảo song song với tiến độ thu, chi luôn luôn kịp thời, đảm bảo các quyền lợi chế độ của con người, chế độ chi tiêu nằm trong dự toán được duyệt và đúng với các quy định của Luật ngân sách nhà nước. Một số khoản chi do chưa hoàn thiện hồ sơ nên chuyển sang năm 2023 theo dõi và thanh quyết toán.

2. Tình hình công nợ: **Đvt: đồng**

Chỉ tiêu	Số đầu kỳ	Số phát sinh trong kỳ		Số cuối kỳ
		Tăng	Giảm	
1. Các khoản chi hộ	**0**	**1.260.995.680**	**1.187.677.680**	**73.318.000**
Tiền hỗ trợ hoa hồng thu bảo hiểm xã hội tự nguyện tháng 4/2022		269.280	269.280	
Tiền hỗ trợ lập danh sách cấp thẻ bảo hiểm y tế đối tượng khác		3.248.000	3.248.000	
Tiền hỗ trợ lập danh sách bảo hiểm y tế đối tượng trẻ em		812.000	812.000	

Scanned with CamScanner

Tiền hoa hồng thu bảo hiểm xã hội tự nguyện tháng 6/2022		343.200	343.200	
Tiền hỗ trợ cơ quan, đơn vị các xã-thị trấn hoạt động phối hợp trong lĩnh vực đảm bảo trật tự ATGT		4.000.000	4.000.000	
Kinh phí hỗ trợ xã lập danh sách trẻ em từ T1-6		364.000		364.000
Tiền hỗ trợ UBND xã Tân Long thực hiện cải tạo Nhà bia ghi tên liệt sĩ xã Tân Long		1.000.000.000	927.046.000	72.954.000
Tiền điện hộ nghèo năm 2022		251.959.200	251.959.200	

3.Tình hình tăng, giảm TSCĐ: Đvt: đồng

STT	Chỉ tiêu	Đvt	Số đầu năm		Tăng trong năm		Giảm trong năm		Số cuối năm	
			SL	NG	SL	NG	SL	NG	SL	NG
A	B	C	1	2		4	5	6	7	8
1	Đất trụ sở UBND			1.802.160.000						1.802.160.000
2	Nhà cửa, vật kiến trúc			1.427.116.000		2.873.243.000				4.300.359.000
3	Máy móc, thiết bị			273.357.272		14.730.000				288.087.272
4	Chương trình phần mềm			10.000.000		35.000.000				45.000.000
5	TS có nguyên giá từ 5.000.000đ đến dưới 10.000.000đ và có thời gian sử dụng từ 01 năm trở lên					71.970.000				71.970.000
	Tổng cộng			**3.512.633.272**		**2.994.943.000**				**6.507.576.272**

Scanned with CamScanner

III. Kết luận

Nhìn chung việc thực hiện ngân sách năm 2022 đã hoàn thành tốt mọi chỉ tiêu kế hoạch đề ra, khai thác triệt để các nguồn thu phát sinh trên địa bàn, đảm bảo thu đúng, thu đủ, không bỏ sót nguồn thu, thể hiện sự quan tâm thường xuyên của các cấp lãnh đạo, Hội đồng tư vấn thuế và đội ngũ cán bộ trực tiếp thu.

Việc quản lý thu, chi ngân sách đảm bảo đúng quy định, đúng chế độ, đảm bảo nguyên tắc tài chính, phục vụ mọi hoạt động chính trị địa phương

Trên đây là thuyết minh báo cáo quyết toán ngân sách năm 2022 của UBND xã Tân Long

Nơi nhận:
- Ủy ban nhân dân huyện;
- Phòng Tài chính – Kế hoạch huyện;
- Đảng ủy, HĐND xã;
- Cơ quan của các đoàn thể ở xã;
- Các trưởng thôn trong xã;
- Lưu: VT, ban tài chính xã.

CHỦ TỊCH

Lý Văn Mão

Scanned with CamScanner